

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2024

“Về việc ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và Lê Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phùng Minh Thắng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/ 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh Th, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 0N, đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh An Văn S, sinh năm 1995

Nơi cư trú hiện nay: Thôn N, xã D, huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th có mặt, bị đơn anh An Văn S có đơn đề nghị xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th trình bày, chị và anh Sáu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại UBND xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh S

không tu chí làm ăn, cờ bạc và có lối sống không chung thủy, chi động viên góp ý anh Sáu không nghe mà còn có lời lẽ và hành vi bạo lực đối với chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, nhiều lần những anh S vẫn tính nào vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm tới ai, nay chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có một con chung cháu An Tuệ T, sinh ngày 31/10/2023, nay vợ chồng ly hôn chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị Th không yêu cầu giải quyết

*> Đối với bị đơn anh An Văn S, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không đến Tòa án làm việc, chỉ gửi bản tự khai (BL 33) đến Tòa án, tại bản tự khai anh S trình bày, cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh thống nhất như ý kiến chị Th đã trình bày, nay chị Th xin ly hôn anh xác định tuy vợ chồng đã ly thân lâu nay, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Th mong chị Th suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị Th cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có một con chung cháu An Tuệ T, sinh ngày 31/10/2023, do cháu còn quá nhỏ, nếu vợ chồng phải ly hôn, anh đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Tâm cùng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản và nợ: Anh thống nhất ý kiến chị Th, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

*> Việc tuân theo tố tụng pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, đối với bị đơn không không hợp tác nên việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, xử cho chị Thảo được ly hôn anh S.

Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận giao nuôi con giữa chị Thảo và anh S, giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu An Tuệ T, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Thảo mỗi tháng 2 triệu đồng cho đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thanh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh An Văn S, các đương sự đều đang cư trú tại huyện Triệu Sơn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử, mỗi lần tổng đạt văn bản tố tụng, cán bộ tổng đạt đều giải thích quy định của pháp luật cho anh Sáu biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng anh Sáu không đến Tòa án làm việc mà chỉ gửi bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt đến Tòa án, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh Th và anh An Văn S, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/3/12023 tại UBND xã Dân quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, chị Th động viên góp ý anh S không nghe mà còn có lời lẽ và hành vi chửi mắng, dọa dẫm vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không kết quả mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tại bản tự khai (BL 33)

anh Sáu thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, mặc dù vợ chồng đã ly thân nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Th mong vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị Th cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng anh S không đến làm việc, tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn thiết tha xin ly hôn, việc anh S xin đoàn tụ nhưng không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cũng không đến Tòa án làm việc để được Tòa án động viên hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, anh S đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng, việc chị Th xin ly hôn anh Sáu là có căn cứ, phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th xử cho chị Th được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung cháu An Tuệ T, sinh ngày 31/10/2023, từ khi vợ chồng ly thân cháu T ở với chị Th, khỏe mạnh bình thường, nay ly hôn chị Th xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ

Xét yêu cầu nuôi con của chị Th là chính đáng vì cháu Tâm mới hơn một tháng tuổi, tại bản tự khai anh S cũng thống nhất để chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Th.

Xét thấy sự thống nhất và thỏa thuận về giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của vợ chồng là tự nguyện, phù hợp thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên công nhận sự tự nguyện giao nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của vợ chồng, giao chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An Tuệ T, sinh ngày 31/10/2023, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cũng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 và các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh Th, xử cho chị Trần Thị Thanh Th được ly hôn anh An Văn S.

Về con chung: Công nhận sự thảo thuận về giao nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của các đương sự. Giao chị Trần Thị Thanh Th tiếp tục, trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu An Tuệ T, sinh ngày 31/10/2023, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cũng chị Th mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con, anh Sáu có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ: Các đương sự đều không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0002943 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa, chị Th đã nộp đủ án phí, anh An Văn S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ tuyên án, anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSDND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- UBND xã Dân Quyền;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án.VP.

Lê Đình Hợp

